

X. CHƯƠNG KOSAMBĪ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khuru nọ phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là vô tội.

2. Vị ấy, vào một lúc khác, có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khuru ấy đã nói với vị Tỳ-khuru ấy điều này:

– Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?

– Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.

4. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy sau khi đạt được sự hợp nhất đã phạt án treo vị Tỳ-khuru ấy về việc không nhìn nhận tội.

5. Và vị Tỳ-khuru ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

6. Khi ấy, vị Tỳ-khuru ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi.” Rồi vị Tỳ-khuru ấy đã có được các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

7. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp các vị Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi.” Rồi vị Tỳ-khuru ấy đã có được các vị Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

8. Sau đó, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khuru ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khuru ban án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khuru ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khuru ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khuru ấy không bị án treo, vị Tỳ-khuru ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì.”

9. Khi được nói như thế, các Tỳ-khuru ban án treo đã nói với các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khuru ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khuru ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khuru ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, các vị chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khuru đã bị án treo ấy.”

10. Trong khi được các Tỳ-khuru ban án treo nói như thế, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khuru đã bị án treo ấy y như thế.

11. Sau đó, có vị Tỳ-khuru nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trường hợp có vị Tỳ-khuru nọ đã phạm tội. Vị ấy đã có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khuru khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội.

12. Vị ấy, vào một lúc khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khuru khác đã có quan điểm về tội ấy là có tội.

13. Bạch Ngài, khi ấy các vị Tỳ-khuru ấy đã nói với vị Tỳ-khuru ấy điều này: “Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?” “Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.”

14. Bạch Ngài, sau đó các vị Tỳ-khuru ấy đã đạt được sự hợp nhất và đã phạt án treo vị Tỳ-khuru ấy về việc không nhìn nhận tội.

15. Và bạch Ngài, vị Tỳ-khuru ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập.

16. Bạch Ngài, khi ấy vị Tỳ-khuru ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi.”

17. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khuru ấy đã có được các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

18. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp trực tiếp các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi.”

19. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khuru ấy đã có được các Tỳ-khuru đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

20. Bạch Ngài, sau đó các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khuru ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khuru ban án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khuru ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khuru ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khuru ấy không bị án treo, vị Tỳ-khuru ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì.”

21. Bạch Ngài, khi được nói như thế, các Tỳ-khuru ban án treo đã nói với các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khuru ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khuru ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khuru ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khuru đã bị án treo ấy.”

22. Bạch Ngài, trong khi được các Tỳ-khuru ban án treo nói như thế, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khuru đã bị án treo y như thế.

23. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: “Hội chúng Tỳ-khuru đã bị chia rẽ! Hội chúng Tỳ-khuru đã bị chia rẽ!” rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến gặp các vị Tỳ-khuru ban án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

24. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khuru ban án treo điều này:

– Này các Tỳ-khuru, các người chớ có nghĩ rằng trong trường hợp [lập luận rằng]: “Là rõ ràng đối với chúng ta! Là rõ ràng đối với chúng ta!” thì có thể ban án treo đến vị Tỳ-khuru.

25. Này các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru bị phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

26. Này các Tỳ-khuru, nếu các Tỳ-khuru ấy nghĩ về vị Tỳ-khuru ấy như vậy: “Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta phạt án treo vị Tỳ-khuru này về việc không nhìn nhận tội, chúng ta sẽ không hành lễ *Upasatha* với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ hành lễ *Upasatha* không có vị Tỳ-khuru này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.”

27. Này các Tỳ-khuru, các Tỳ-khuru quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khuru ấy.

28. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

29. Nay các Tỳ-khuru, nếu các Tỳ-khuru ấy nghĩ về vị Tỳ-khuru ấy như vậy: “Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không làm hành sự của hội chúng với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ làm hành sự của hội chúng không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không ngồi ăn cháo với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ ngồi ăn cháo không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không ngồi trong nhà ăn với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ ngồi trong nhà ăn không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không trú trong một mái che với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ trú trong một mái che không có vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ không thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với vị Tỳ-khuru này, chúng ta sẽ thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không với vị Tỳ-khuru này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.”

30. Nay các Tỳ-khuru, các Tỳ-khuru quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khuru ấy.

31. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khuru ban án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

32. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, các người sau khi phạm tội chớ có nghĩ là không cần phải sửa chữa lỗi [cho rằng]: “Chúng tôi không phạm! Chúng tôi không phạm!”

33. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

34. Nay các Tỳ-khuru, nếu vị Tỳ-khuru ấy nghĩ về các Tỳ-khuru kia như vậy: “Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác [mà các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khuru này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ

Uposatha với ta, các vị sẽ hành lễ *Uposatha* không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.”

35. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

36. Nay các Tỳ-khuru, trường hợp vị Tỳ-khuru phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khuru khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

37. Nay các Tỳ-khuru, nếu vị Tỳ-khuru ấy nghĩ về các Tỳ-khuru kia như vậy: “Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác mà [các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khuru này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với ta, các vị sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có ta, các vị sẽ không làm hành sự của hội chúng với ta, các vị sẽ làm hành sự của hội chúng không có ta, các vị sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với ta, các vị sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có ta, các vị sẽ không ngồi ăn cháo với ta, các vị sẽ ngồi ăn cháo không có ta, các vị sẽ không ngồi trong nhà ăn với ta, các vị sẽ ngồi trong nhà ăn không có ta, các vị sẽ không trú trong một mái che với ta, các vị sẽ trú trong một mái che không có ta, các vị sẽ không thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với ta, các vị sẽ thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.”

38. Nay các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

39. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo đã tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới.

41. Còn các Tỳ-khuru ban án treo đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

42. Sau đó, có vị Tỳ-khuru nọ là vị ban án treo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới. Bạch Ngài, còn

chúng con là các Tỳ-khuru ban án treo thì đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

43. – Nay Tỳ-khuru, nếu các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các vị ấy sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nay Tỳ-khuru, nếu các Tỳ-khuru ban án treo các người tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các người sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nguyên nhân của việc ấy là gì? Các vị Tỳ-khuru ấy là không đồng cộng trú với các người và các người là không đồng cộng trú với các vị ấy.

44. Nay Tỳ-khuru, có hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Nay Tỳ-khuru, đây là hai nền tảng của việc không đồng cộng trú.

45. Nay Tỳ-khuru, có hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị đã bị án treo về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Nay Tỳ-khuru, đây là hai nền tảng của việc đồng cộng trú.

46. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khuru nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, rồi thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, rồi thực hiện sự va chạm bằng tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?”

Các Tỳ-khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khuru nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khuru nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?”

47. Sau đó, các vị Tỳ-khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Nay các Tỳ-khuru, nghe nói ...(nt)..., có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử sai Pháp đưa đến việc không hài hòa thì nên ngồi xuống chỗ ngồi [nghĩ rằng]: “Dầu gì đi

nữa, chúng ta sẽ không thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp với nhau, chúng ta sẽ không thực hiện sự va chạm bằng tay.” Nay các Tỳ-khuru, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử đúng Pháp đưa đến việc hài hòa, thì nên ngồi xuống chỗ ngồi kế cận nhau.

48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khuru nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Khi ấy, có vị Tỳ-khuru nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị Tỳ-khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, các Tỳ-khuru nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn vì lòng thương xót hãy đi đến gặp các Tỳ-khuru ấy.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

49. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến gặp các Tỳ-khuru ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khuru nọ là vị nói sai Pháp đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Đến lần thứ nhì, vị Tỳ-khuru là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

50. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, trong thời quá khứ, ở thành Bārāṇasī, đức vua của xứ Kāśi tên Brahmadatta là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp.

51. Còn đức vua xứ Kosala tên Dīghīti thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vừa lúa không đầy.

52. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

53. Nay các Tỳ-khuru, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nghe rằng: “Nghe nói đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với ta.”

54. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vừa lúa đầy ắp. Còn ta thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vừa lúa không đầy. Ta không có khả năng để chịu đựng chỉ một cuộc tấn công của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, hay là ta nên tẩu thoát khỏi thành phố trước?”

55. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đem theo hoàng hậu và tẩu thoát khỏi thành phố trước.

56. Nay các Tỳ-khuru, sau đó, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã chiến thắng và đã làm chủ binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vừa lúa của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

57. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ đã ra đi về phía thành Bārāṇasī, theo tuần tự đã đến được thành Bārāṇasī. Nay các Tỳ-khuru, tại đó ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ ngụ trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.

58. Nay các Tỳ-khuru, sau đó chẳng bao lâu, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

59. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: “Tâu Bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Thiếp mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.” “Này ái hậu, trong lúc chúng ta đang lâm cảnh khốn cùng thì lấy đâu ra đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và nước rửa đao kiếm.” “Tâu Bệ hạ, nếu không đạt được thì thiếp sẽ chết mất.”

60. Nay các Tỳ-khuru, vào lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là bạn của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

61. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: “Này bạn, người bạn gái của bạn đang mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vậy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.” “Tâu Bệ hạ, như thế thì chúng ta hãy gặp hoàng hậu.”

62. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Nay các Tỳ-khuru, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay cúi chào hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala và đã ba lần thốt lên lời cảm hứng rằng: “Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Tâu Hoàng hậu, xin chớ lo âu, vào lúc mặt trời mọc Hoàng hậu sẽ được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.”

63. Nay các Tỳ-khuru, sau đó vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, theo như các điềm báo hiệu cho thấy: Ngày mai, vào lúc mặt trời mọc, đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, hãy đứng ở trên đất bằng và các đao kiếm hãy được rửa.”

64. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: “Này các khanh, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự đã nói như thế nào thì các khanh hãy làm theo như thế ấy.”

65. Nay các Tỳ-khuru, rồi vào lúc mặt trời mọc, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

66. Nay các Tỳ-khuru, sau đó khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Dīghāvu. Nay các Tỳ-khuru, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu đã đạt được sự hiểu biết.

67. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: “Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Nếu người này biết được chúng ta thì sẽ ra lệnh giết chết luôn cả ba. Hay là ta nên cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố?”

68. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố. Nay các Tỳ-khuru, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu trong khi sống ở bên ngoài thành phố đã học được tất cả các tài nghệ.

69. Nay các Tỳ-khuru, vào lúc bấy giờ, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala sống [dưới quyền] của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Nay các Tỳ-khuru, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ; sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.”

70. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: “Này các khanh, như thế thì hãy dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.

71. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: “Này các khanh, như thế thì hãy trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, hãy chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, rồi quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng.”

72. “Tâu Bệ hạ, xin vâng.” Nay các Tỳ-khuru, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi.

73. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Mẹ và cha của ta được nhìn thấy đã lâu lắm rồi, hay là ta nên gặp mẹ và cha?”

74. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī và nhìn thấy mẹ và cha bị trói chặt cánh tay ở phía sau bằng dây thừng chắc chắn, bị cạo trọc đầu và đang bị dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp mẹ và cha.

75. Nay các Tỳ-khuru, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Hoàng tử Dīghāvu

điều này: “Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.”

76. Này các Tỳ-khuru, khi được nói như thế, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: “Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu?’” “Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ.”

77. Này các Tỳ-khuru, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khuru, đến lần thứ ba, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: “Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vậy: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu?’” “Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ.”

78. Này các Tỳ-khuru, sau đó những người ấy khi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi rồi đã đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng, ổn định lại hàng ngũ, rồi đã bỏ đi.

79. Này các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī đem lại rượu và cho các người lính gác uống. Đến khi những người lính đã bị say và té xuống thì Hoàng tử Dīghāvu đã tự mình gom góp các thanh củi, thực hiện giàn hỏa táng, rồi đặt thi thể của mẹ và cha lên giàn hỏa táng, châm lửa, chấp tay lên và hướng vai phải nhiều quanh giàn hỏa thiêu ba vòng.

80. Này các Tỳ-khuru, vào lúc bấy giờ, đức Vua Brahmadatta xứ Kāśi đi đến nơi sân thượng ở phần trên tòa lâu đài. Này các Tỳ-khuru, đức Vua Brahmadatta xứ Kāśi đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu chấp tay lên và đang hướng vai phải nhiều quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn rằng người đàn ông này là thân quyến hoặc là có cùng huyết thống với đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Hừ, chẳng có ích lợi gì cho ta. Bởi vì chẳng có người nào sẽ nói cho ta hay!”

81. Này các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào rừng và than van khóc lóc cho đến ngúi ngoai, rồi đã lau khô nước mắt, trở vào thành Bārāṇasī, đi đến chuồng voi ở cạnh hoàng cung và đã nói với người thầy huấn luyện voi điều này: “Thưa thầy, tôi muốn học nghề.” “Này chàng trai trẻ mến, như thế thì người cứ việc học.”

82. Nay các Tỳ-khuru, sau đó Hoàng tử Dīghāvu, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuông voi.

83. Nay các Tỳ-khuru, rồi đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã nghe tiếng ca hát với giọng du dương và tiếng đánh đàn ở nơi chuông voi nên đã hỏi mọi người rằng: “Này các khanh, người nào sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuông voi?”

84. “Tâu Bệ hạ, chàng trai trẻ học trò của người thầy huấn luyện voi kia, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuông voi.” “Này các khanh, như thế thì hãy dẫn chàng trai trẻ ấy đến.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, rồi các người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đưa Hoàng tử Dīghāvu lại.

85. “Này khanh, chàng trai trẻ, có phải khanh sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuông voi?” “Tâu Bệ hạ, thưa phải.” “Này khanh, chàng trai trẻ, như thế thì khanh hãy ca hát với giọng du dương và hãy đánh đàn đi.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và có ý định làm [đức vua] hài lòng nên đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn. “Này khanh chàng trai trẻ, khanh hãy hầu hạ ta.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, Hoàng tử Dīghāvu đã đáp lời đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

86. Nay các Tỳ-khuru, sau đó Hoàng tử Dīghāvu đã trở thành người thức dậy trước và đi ngủ sau, là người sẵn sàng làm mọi việc, có hành động chiều chuộng, có nói lời êm dịu đối với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

87. Nay các Tỳ-khuru, sau đó chẳng bao lâu, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bổ nhiệm Hoàng tử Dīghāvu vào vai trò cận thần thân thiết.

88. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: “Này khanh, chàng trai trẻ, như vậy thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi săn thú.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì.”

89. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe. Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe và đã điều khiển xe như thế nào đó để đội quân lính đã đi theo hướng khác, còn chiếc xe theo hướng khác.

90. Nay các Tỳ-khuru, sau đó, khi đã đi xa, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: “Này khanh, chàng trai trẻ, hãy dừng xe lại. Trẫm đã mệt và sẽ nằm xuống.”

91. “Tâu Bệ hạ, xin vâng.” Nay các Tỳ-khuru, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã dừng xe lại và ngồi xuống với thế kiết-già ở trên mặt đất.

92. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã kê đầu lên bắp vế của Hoàng tử Dīghāvu và nằm xuống. Đức vua đang mệt mỏi nên chỉ trong chốc lát đã rơi vào giấc ngủ.

93. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc ta có thể thanh toán mối thù hận” rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ.

94. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’ Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha” nên đã tra gươm vào vỏ.

95. Nay các Tỳ-khuru, đến lần thứ nhì ...(nt)... Nay các Tỳ-khuru, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm để ta có thể thanh toán mối thù hận” rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. Nay các Tỳ-khuru, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: “Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’ Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha” nên lại tra gươm vào vỏ.

96. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, đáo dác, đã tức thời chồm dậy.

97. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, vì sao Bệ hạ lại trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, đáo dác và tức thời chồm dậy?” “Này khanh, chàng trai trẻ, ở đây, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala là Hoàng tử Dīghāvu đã dùng gươm tấn công ta trong giấc ngủ mơ. Vì thế trẫm trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, đáo dác và đã tức thời chồm dậy.”

98. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã dùng bàn tay trái mân mê đầu của đức Vua Brahmadata xứ Kāsi và dùng bàn tay phải rút gươm ra rồi nói với đức Vua Brahmadata xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, thần chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Bệ hạ là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng tôi. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng tôi đã bị Bệ hạ chiếm đoạt. Mẹ và cha của tôi đã bị Bệ hạ giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc thần có thể thanh toán mối thù hận.”

99. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã quỳ mọp xuống kê đầu ở hai bàn chân của Hoàng tử Dīghāvu và đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: “Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trăm mạng sống. Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trăm mạng sống.” “Sao thần lại có khả năng để ban cho Bệ hạ mạng sống được. Chính Bệ hạ mới có thể ban cho thần mạng sống?” “Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy ban cho trăm mạng sống và trăm sẽ ban mạng sống cho khanh.”

100. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadata xứ Kāsi và Hoàng tử Dīghāvu đã ban mạng sống cho nhau. Họ đã nắm lấy bàn tay và đã thực hiện lời thề không phản bội nhau.

101. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: “Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi.” “Tâu Bệ hạ, xin vâng.”

Nay các Tỳ-khuru, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadata xứ Kāsi, đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadata xứ Kāsi điều này: “Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì.”

102. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã bước lên xe và Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe, và đã điều khiển xe theo như thế nào đó để chẳng bao lâu sau, gặp lại đội quân lính.

103. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã đi vào thành Bārāṇasī, cho triệu tập các viên quan đại thần cố vấn lại và đã nói điều này: “Này các khanh, nếu các khanh có thể nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala thì các khanh nên làm gì người ấy?”

104. Một số vị quan đã nói như vậy: “Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay và hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai và lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt đầu.”

105. “Này các khanh, đây chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Không được làm bất cứ điều gì đến người này. Người này đã ban cho trăm mạng sống và trăm đã ban mạng sống cho người này.”

106. Nay các Tỳ-khuru, sau đó đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: “Này Dīghāvu yêu quý, điều mà cha của khanh vào lúc chết đã nói rằng: ‘Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu’, cha của khanh đã ám chỉ điều gì vậy?”

107. “Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có xa’ [ý là] ‘Chớ có gây thù hận lâu dài.’ Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có xa.’ Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có gần’ [ý là] ‘Chớ có mau chóng gây đổ vỡ với bạn bè.’ Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Chớ có gần.’ Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu’ [ý là] ‘Mẹ và cha của thần đã bị Bệ hạ giết.’ Như thế, nếu thần có thể tước đoạt mạng sống của Bệ hạ thì những người mong mỗi sự lợi ích cho Bệ hạ có thể tước đoạt mạng sống của thần, rồi những người mong mỗi sự lợi ích cho thần, có thể tước đoạt mạng sống của những người ấy; như vậy thù hận ấy không thể giải quyết bằng thù hận. Giờ đây, Bệ hạ đã ban mạng sống cho thần và thần đã ban mạng sống cho Bệ hạ; như vậy thù hận ấy đã được giải quyết bằng sự không thù hận. Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: ‘Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.’”

108. Nay các Tỳ-khuru, khi ấy đức Vua Brahmadata xứ Kāsi đã khởi ý điều này: “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Hoàng tử Dīghāvu này thật sáng trí bởi vì hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết của điều đã được người cha nói ra một cách vắn tắt” rồi đã trả lại binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, vựa lúa của người cha và còn ban cho người con gái [của mình] nữa.

109. Nay các Tỳ-khuru, ngay chính những người ấy là các vị vua đã cầm lấy gậy, đã cầm lấy gươm mà còn có sự kham nhẫn và khoan dung như thế ấy. Nay các Tỳ-khuru, ở đây, các người hãy làm rạn vỡ việc các người đang được xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, các người hãy nên bày tỏ sự kham nhẫn và lòng khoan dung.

110. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khuru ấy điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, thôi đủ rồi. Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự lý luận, chớ có sự tranh luận nữa.

111. Đến lần thứ ba, vị Tỳ-khuru là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện

tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận và bằng sự tranh luận này.

112. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: “Những kẻ rồ dại này đã tới mức tận cùng, những kẻ này không dễ gì mà nhắc nhở” rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tụng phẩm Dīghāvu là phần thứ nhất.

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Kosambī để khát thực. Sau khi đã đi khát thực trong thành Kosambī, trên đường khát thực trở về sau bữa ăn, đức Thế Tôn đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, rồi chỉ đứng giữa hội chúng nói lên những lời kệ này:

2. “Trong đám người ồn ào náo nhiệt, không kẻ nào nghĩ là mình ngu. Hơn thế nữa, trong khi hội chúng đang bị chia rẽ, không người nào khác đã biết đến.

3. Lời nói của bậc Trí đã bị hoàn toàn quên hẳn, chúng nói đủ mọi thứ chuyện. Có miệng há rộng theo như chúng muốn, chúng bị [sự náo động] lôi kéo đi mà chẳng biết.

4. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai áp ủ điều ấy, sự thù hận của những người ấy không được lắng yên.

5. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai không áp ủ điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lắng yên.

6. Ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lắng yên bởi sự hận thù và chúng được lắng yên bởi sự không thù hận; điều này là quy luật cổ xưa.

7. Và những người khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Và những người nào nhận thức được điều ấy, từ đó mà các sự tranh chấp được lắng yên.

8. Đối với những kẻ đang xâm chiếm lãnh thổ là những kẻ đã chặt đứt xương [thịt], đã đoạt mạng sống, đã cướp bóc ngựa, bò, tài sản, mà còn có sự hòa hợp đối với chúng, vì sao các người lại không thể có được?

9. Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì sau khi vượt qua mọi hiểm nạn, có thể đi với người ấy [một cách] hoan hỷ có niệm.

10. Nếu không thể có được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì giống như vị vua từ bỏ quốc độ đã chinh phục, hãy nên sống một mình như là voi Mātāṅga [sống] ở trong rừng.

11. Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Một mình hãy sống và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātāṅga [sống] ở trong rừng.”

12. Khi ấy, đức Thế Tôn chỉ đứng giữa hội chúng đã nói lên những lời kệ này rồi đi đến ngôi làng Bālakaloṇakāra.

13. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Bhagu đang trú tại ngôi làng Bālakaloṇakāra.

14. Đại đức Bhagu đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp đặt chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rồi đã đi ra đón và tiếp rước y bát. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

15. Đại đức Bhagu đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhagu đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhagu điều này:

– Này Tỳ-khuru, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có tốt đẹp không? Việc đi khát thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khát thực không có bị khó nhọc.

16. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Bhagu bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến khu vườn cây Pācīnavamsa.

17. Vào lúc bảy giờ, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila trú tại khu vườn cây Pācīnavamsa.

18. Người giữ vườn đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này ông Sa-môn, chớ có đi vào khu vườn cây này. Ở đây, có ba người con trai gia đình danh giá và có tính tự trọng trú ngụ. Chớ có gây phiền nhiễu đến họ.

19. Đại đức Anuruddha đã nghe được người giữ vườn đang căn dặn đức Thế Tôn, sau khi nghe được đã nói với người giữ vườn điều này:

– Này đạo hữu giữ vườn, chớ ngăn cản đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư của chúng tôi là đức Thế Tôn đã đến.

20. Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila, sau khi đến đã nói với Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila điều này:

– Các Đại đức hãy đi ra. Các Đại đức hãy đi ra. Bậc Đạo sư của chúng ta là đức Thế Tôn đã đến.

21. Khi ấy, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila đã đi ra đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y và bình bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp xếp chỗ ngồi, một vị đã mang lại nước rửa chân, ghé kê chân và tắm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

22. Rồi các vị Đại đức ấy đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Anuruddha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Này các vị Anuruddha, các người sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Việc đi khát thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khát thực không có bị khó nhọc.

– Này các vị Anuruddha, các người sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, có được trạng thái như sữa với nước, có nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến không?

– Bạch Thế Tôn, chắc chắn là vậy! Chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến.

– Này các vị Anuruddha, các người sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế nào?

23. – Bạch Ngài, ở đây, con khởi ý như vậy: “Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!” Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vậy: “Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?” Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm.

24. Rồi Đại đức Nandiya ...(nt)... Rồi Đại đức Kimbila cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, con cũng khởi ý như vậy: “Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!” Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vậy: “Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?” Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm. Bạch Ngài, chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế ấy.

25. – Này các vị Anuruddha, các người sống có ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm hay không?

– Bạch Ngài, chắc chắn là vậy! Chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.

26. – Nay các vị Anuruddha, các người sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế nào?

27. – Bạch Ngài, ở đây, vị nào trong chúng con đi khát thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực đã được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, thì mời vị thứ hai lại với sự ra hiệu bằng tay và [chúng con] đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay. Bạch Ngài, nhưng không vì lý do đó mà chúng con nói ra lời. Bạch Ngài, cứ mỗi năm ngày, chúng con ngồi lại cho việc thảo luận giáo pháp trọn đêm. Bạch Ngài, chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế.

28. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, du hành về phía Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại nơi đó, ở Pārileyyaka đức Thế Tôn sống trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây Sāla xinh đẹp.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trước đây, Ta đã sống không thoải mái, bị quấy rầy bởi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy, là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Bây giờ, Ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không người thứ hai, thoát khỏi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng.”

30. Cũng có con long tượng nọ sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: “Ta sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Hay là ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?”

32. Sau đó, con long tượng ấy đã tách khỏi bầy, đi đến Pārileyyaka, chỗ khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây Sāla xinh đẹp, kề cận đức Thế Tôn; sau khi đến nó đã dùng vòi phục vụ đức Thế Tôn nước uống, nước rửa và dọn dẹp cây cỏ.

33. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: “Trước đây, ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và đã nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không kẻ thứ hai, thoát khỏi các con voi đực, các con voi cái, các con voi tơ và các con voi bé.”

34. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng: “Tâm của con long tượng, là con voi có ngà dài, cùng với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng.”

35. Sau đó, khi đã ngự tại Pārileyyaka theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

36. Khi ấy, các cư sĩ ở Kosambī đã khởi ý điều này: “Các ngài Tỳ-khuru ở Kosambī này là những người đã làm nhiều điều không lợi ích cho chúng ta. Đức Thế Tôn bị quấy rầy bởi các vị này nên đã bỏ đi. Vậy thì chúng ta không nên đánh lễ các ngài Tỳ-khuru ở Kosambī nữa, không nên đứng dậy, không nên thực hiện việc chấp tay và hành động thích hợp, không nên trọng vọng, không nên cung kính, không nên sùng bái, không nên cúng dường, không nên bố thí đồ ăn khát thực cho các vị đi đến; như thế ấy, các vị này trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi chúng ta, và khi đã không còn được trọng vọng, các vị hoặc là sẽ bỏ đi, hoặc là sẽ hoàn tục, hoặc là sẽ có niềm tin nơi đức Thế Tôn.”

37. Sau đó, các cư sĩ ở Kosambī đã không đánh lễ, không đứng dậy, không thực hiện việc chấp tay và hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường, không bố thí đồ ăn khát thực cho các vị đi đến.

38. Khi ấy, các Tỳ-khuru ở Kosambī trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi các cư sĩ ở Kosambī, và khi đã không còn được trọng vọng nữa, [các vị ấy] đã nói như vậy: “Này các Đại đức, vậy thì chúng ta nên đi Sāvatthi và giải quyết sự tranh tụng này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn.”

39. Sau đó, các Tỳ-khuru ở Kosambī đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến thành Sāvatthi.

40. Đại đức Sāriputta đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

41. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì người hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

42. – Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khuru tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp”; tuyên bố phi Luật là “Luật”, tuyên bố Luật là “phi Luật”; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố vô tội là “phạm tội”, tuyên bố phạm tội là “vô tội”; tuyên bố tội nhẹ là “tội nặng”, tuyên bố tội nặng là “tội nhẹ”; tuyên bố tội còn dư sót là “tội không còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội còn dư sót”; tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

43. Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khuru tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, tuyên bố Pháp là “Pháp”; tuyên bố phi Luật là “phi Luật”, tuyên bố Luật là “Luật”; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố vô tội là “vô tội”, tuyên bố phạm

tội là “phạm tội”; tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”, tuyên bố tội nặng là “tội nặng”; tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”; tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa.” Nay Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

44. Rồi Đại đức Mahāmoggallāna đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.” ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākassapa đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākaccāna đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākoṭṭhita đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākappina đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahācunda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Anuruddha đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Revata đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Upālī đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Ānanda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Rāhula đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

45. Khi ấy, Đại đức Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Rāhula đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Nay Rāhula, như thế thì người hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

46. – Nay Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Nay Rāhula, ở đây vị Tỳ-khuru tuyên bố phi Pháp là “Pháp”, tuyên bố Pháp là “phi Pháp”; tuyên bố phi Luật là “Luật”, tuyên bố Luật là “phi Luật”; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố vô tội là “phạm tội”, tuyên bố phạm tội là “vô tội”; tuyên bố tội nhẹ là “tội nặng”, tuyên bố tội nặng là “tội nhẹ”; tuyên bố tội còn dư sót là “tội không còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội còn dư sót”; tuyên bố tội xấu xa là “tội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội xấu xa.” Nay Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

47. Nay Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Nay Rāhula, ở đây vị Tỳ-khuru tuyên bố phi Pháp là “phi Pháp”, tuyên bố Pháp là “Pháp”; tuyên bố phi Luật là “phi Luật”, tuyên bố Luật là “Luật”; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là “điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là “điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là “điều đã được quy định bởi đức Như Lai”; tuyên bố vô tội là “vô tội”, tuyên bố phạm tội là “phạm tội”; tuyên bố tội nhẹ là “tội nhẹ”, tuyên bố tội nặng là “tội nặng”; tuyên bố tội còn dư sót là “tội còn dư sót”, tuyên bố tội không còn dư sót là “tội không còn dư sót”; tuyên bố tội xấu xa là “tội xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là “tội không xấu xa.” Nay Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

48. Rồi bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

49. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, bà đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Nay Gotamī, như thế thì bà hãy nghe pháp ở cả hai bên; sau khi nghe pháp ở cả hai bên, các Tỳ-khuru bên nào là các vị nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng Tỳ-khuru-ni cần trông đợi từ hội chúng Tỳ-khuru thì nên trông đợi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp mà thôi.

50. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

51. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Nay gia chủ, như thế thì người hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khuru bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỗi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

52. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi.”

53. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Nay bà Visākhā, như thế thì người hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khuru bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỗi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

54. Sau đó, theo tuần tự các Tỳ-khuru ở Kosambī đã đến được thành Sāvattthi.

55. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khuru ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đã đến thành Sāvattthi. Bạch Ngài, con nên tiến hành về chỗ trú ngụ cho các Tỳ-khuru ấy như thế nào?

– Nay Sāriputta, như thế thì nên cho chỗ trú ngụ được cách biệt.

– Bạch Ngài, nếu không được cách biệt thì nên thực hành như thế nào?

– Nay Sāriputta, như thế thì nên làm thành cách biệt rồi giao cho. Nay Sāriputta, nhưng Ta không nói rằng: “Có thể xâm phạm chỗ trú ngụ của vị Tỳ-khuru thâm niên hơn vì một lý do nào đó.” Vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

– Bạch Ngài, nên thực hành như thế nào về tài vật?

– Nay Sāriputta, tài vật nên được chia phần đồng đều cho tất cả.

56. Sau đó, vị Tỳ-khuru bị án treo ấy trong khi suy xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: “Điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Ta bị phạm [tội], ta không phải là không phạm [tội]. Ta bị án treo, ta không phải là không bị án treo. Ta đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì.”

57. Khi ấy, vị Tỳ-khuru bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo điều này: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.”

58. Khi ấy, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy đã đưa vị Tỳ-khuru bị án treo ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khuru bị án treo này đã nói như vậy: “Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi.” Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Này các Tỳ-khuru, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khuru ấy bị phạm [tội], vị Tỳ-khuru ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khuru ấy bị án treo, vị Tỳ-khuru ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khuru ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khuru, bởi vì vị Tỳ-khuru ấy đã phạm [tội], đã bị án treo và nhìn nhận. Này các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy hãy phục hồi cho vị Tỳ-khuru ấy.

59. Sau đó, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy đã phục hồi cho vị Tỳ-khuru bị án treo ấy, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khuru ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khuru ban án treo điều này:

– Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khuru này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.

60. Sau đó, các Tỳ-khuru ban án treo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khuru ban án treo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khuru ủng hộ vị bị án treo ấy đã nói như vậy: “Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khuru này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.” Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Nay các Tỳ-khuru, bởi vì vị Tỳ-khuru ấy đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Nay các Tỳ-khuru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Và nay các Tỳ-khuru, nên được tiến hành như vậy: Toàn bộ tất cả gồm các vị bị bệnh và không bị bệnh nên tụ hội lại một chỗ và không một ai được phép gởi lời tùy thuận. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khuru kinh nghiệm, có năng lực:

61. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khuru này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khuru này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Hội chúng tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đại đức nào đồng ý việc tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy đã được hội chúng thực hiện, sự bất đồng trong hội chúng đã được dàn xếp, sự chia rẽ hội chúng đã được dàn xếp. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Lập tức sau đó, lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bốn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng.

62. Sau đó, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định nguyên nhân không đúng rồi tiến hành sự hợp nhất hội chúng; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Nay Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; nay Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là sai Pháp.

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Nay Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; nay Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp.

63. – Bạch Ngài, sự hợp nhất hội chúng có bao nhiêu loại?

– Nay Upāli, sự hợp nhất hội chúng có hai loại. Nay Upāli, có sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ và có loại vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ.

64. Nay Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ? Nay Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; nay Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ.

65. Nay Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ? Nay Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; nay Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ. Nay Upāli, đây là hai sự hợp nhất hội chúng.

66. Sau đó, Đại đức Upāli đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên cúi chào đức Thế Tôn, rồi trình lên đức Thế Tôn những lời kệ này:

67. “Trong các phạm sự thuộc về hội chúng, trong các cuộc thảo luận, trong những việc điều tra về những vấn đề đã sanh khởi, ở đây, người như thế nào là người đem lại nhiều lợi ích? Ở đây, vị Tỳ-khưu như thế nào là xứng đáng việc chủ trì?”

68. “Trước tiên về mặt giới hạnh, là vị không bị chê bai, có hành động đã được suy xét, có giác quan khéo được canh phòng. Về nguyên tắc thì những kẻ đối nghịch không thể bôi nhọ bởi vì điều gì mà họ có thể nói về vị ấy, thì vị này chẳng có điều ấy.

69. Vị như thế đứng vững trong sự thanh tịnh của giới, là người có niềm tự tin, nói năng có tính thuyết phục, vị đi vào hội chúng không run, không sợ hãi, không bỏ rơi ý nghĩa trong khi nói về đề tài liên quan.

70. Tương tự y như thế, khi được hỏi câu hỏi ở các hội chúng, vị ấy không ngần ngại và cũng không mắc cỡ, trong khi nói lời giải thích xứng đáng, đúng lúc, con người khôn ngoan làm hài lòng hội chúng các bậc tri thức.

71. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng và có niềm tin đối với vị thầy của mình, có khả năng cân nhắc, rành rẽ về điều nên nói, là vị rành rẽ về yếu điểm của những kẻ đối nghịch.

72. Vì thế, những kẻ đối nghịch lâm vào thế yếu và đám đông người tuân theo sự chỉ dạy. Trong khi nắm giữ sự suy luận của mình, vị ấy không bỏ quên niềm tin tưởng của mình và không gây tổn hại trong khi trả lời câu hỏi.

73. Có khả năng trong các công việc đưa tin, có sự ghi nhớ tốt, đúng theo lời các vị đã nói với vị ấy về các phận sự của hội chúng. Được phái đi bởi nhóm các Tỳ-khưu, trong khi thực hiện lời dặn dò, không vì điều ấy mà suy nghĩ rằng: ‘Ta làm công việc.’

74. Khi bị phạm tội về các sự việc dầu là thế nào chăng nữa, theo đó có phương thức thoát khỏi tội. Vị ấy khéo được truyền thừa cả hai *Bộ Phân tích* ấy, là vị biết về đường lối thoát khỏi tội.

75. Trong khi phân xử các sự việc, vị ấy áp dụng sự mời ra và người bị mời ra là đúng theo sự việc. Sự phục hồi là dành cho người đã trải qua việc ấy. Vị ấy cũng biết luôn cả điều ấy, là vị biết về *Bộ Phân tích*.

76. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng, các vị mới tu, các vị Trưởng lão và các vị trung niên. Người thực hiện việc lợi ích cho nhiều người ở đây là bậc sáng trí. Vị Tỳ-khưu như thế ấy xứng đáng việc chủ trì ở đây.”

Dứt chương Kosambī là thứ mười.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bậc Chiến Thắng cao quý ở tại Kosambī, sự tranh luận về việc không nhìn nhận tội, trong trường hợp nào [hội chúng] có thể phạt án treo thì trong trường hợp ấy [vị bị án treo] nên trình báo tội vì niềm tin [của các vị khác].

2. Bên trong ranh giới, ở chính tại nơi ấy, luôn cả [ngôi làng] Bālaka, từ vườn cây [Pācīna], khu rừng Pārileyā và thành Sāvattī, vị Sāriputta và vị Kolita.

3. Vị Mahākassapa, vị Kaccāna, vị Kōṭṭhita và vị Kappina, vị Mahācunda, vị Anuruddha và cả hai vị Revata và Upālī.

4. Vị Ānanda và luôn cả vị Rāhula nữa, vị Ni Gotamī, ông Anāthapiṇḍika và bà Visākhā mẹ của Migāra, ... và chỗ trú ngụ được cách biệt, nên cho tài vật đồng đều.

5. Không vị nào được gởi trao sự tùy thuận, được vấn hỏi bởi vị Upāli, vị [Tỳ-khưu] không bị chê trách về tăng thượng giới, sự hợp nhất trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

--ooOoo--

ĐẠI PHẨM ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ



